

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 03-02-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Hoa Kiều;

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quý, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ (sau đây viết là Ngân hàng); địa chỉ: Tháp BIDV số 35 V, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành P – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Quảng Ngãi, theo quyết định ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 28-8-2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Ông Nguyễn Thành P ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị P1, Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền số 1650/UQ-BIDV.QN ngày 26/8/2019; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hứa Thị Kiều T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Cao Huy P2, sinh năm 1996; vắng mặt.

- Chị Trần Cao Xuân D, sinh năm 2005; vắng mặt.

- Cháu Phạm Đăng K, sinh năm 2003; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của chị Trần Cao Xuân D và cháu Phạm Đăng K là bà Hứa Thị Kiều T (mẹ đẻ của chị D, cháu K); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-3-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29 tháng 4 năm 2020 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ trình bày:

Ngày 01-7-2019 Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ cho bà Hứa Thị Kiều T vay số tiền 500.000.000đồng để bổ sung vốn kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/6023786/HĐTD ngày 01-7-2019. Thời hạn vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên là 11 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm và cố định trong thời gian vay, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm nợ vay, bà Hứa Thị Kiều T đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa đất số 671, tờ bản đồ số 02, diện tích 160m² và nhà ở gắn liền với đất tại xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 227701, sổ vào sổ cấp GCN: H 09 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp ngày 26-12-2005.

Việc thế chấp đã được các bên lập thành hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2014/HĐ ngày 14-01-2014 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2014/HĐ ngày 14-01-2014, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T2, tỉnh Quảng Ngãi chứng nhận ngày 15-01-2014, đồng thời quyền sử dụng đất thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 15-01-2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tư Nghĩa và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2017/SĐBS ngày 07-9-2017.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Hứa Thị Kiều T nhận đủ số tiền vay là 500.000.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay, bà Hứa Thị Kiều T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà T mới trả được cho Ngân hàng 5.753.425 đồng tiền lãi. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà Hứa Thị Kiều T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng bà T không thực hiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03-02-2021) bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 591.232.876 đồng, trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 74.246.575 đồng, lãi quá hạn là 16.986.301 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hứa Thị Kiều T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nói trên. Trường hợp bà T không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử tài sản thế chấp của bà Hứa Thị Kiều T để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà T phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu không có thỏa thuận khác.

Tại bản tự khai ngày 30-6-2020 và tại phiên tòa, bị đơn bà Hứa Thị Kiều T, đồng thời là người đại diện hợp pháp của chị Trần Cao Xuân D và cháu Phạm Đăng K trình bày:

Ngày 01-7-2019 bà có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2019/6023786/HĐTD với Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ để vay Ngân hàng số tiền 500.000.000đồng; thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm.

Để bảo đảm nợ vay, bà có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số 671, tờ bản đồ số 02, diện tích 160m² tại xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 227701, số vào sổ cấp GCN: H 09 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp ngày 26-12-2005.

Trong quá trình trả nợ vay, do việc làm ăn bị thất bại nên bà chỉ trả được cho Ngân hàng 5.753.425 đồng tiền lãi. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho Ngân hàng số tiền số tiền là 591.232.876 đồng, trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 74.246.575 đồng, lãi quá hạn là 16.986.301 đồng, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuy nhiên bà mong muốn Ngân hàng tạo điều kiện để bà thực hiện việc trả nợ dần cho Ngân hàng.

Trường hợp bà không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất tại thửa đất số 671, tờ bản đồ số 02, diện tích 160m² tại xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi mà bà đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trần Cao Huy P2 không đến Tòa nên không có bản trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ. Buộc bà Hứa Thị Kiều T phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền là 591.232.876 đồng, trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 74.246.575 đồng, lãi quá hạn là 16.986.301 đồng. Trường hợp bà Hứa Thị Kiều T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 10-3-2020 Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu bà Hứa Thị Kiều T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/6023786/HĐTD ngày 01-7-2019. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay của bà Hứa Thị Kiều T là Thôn P, xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân

dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Cao Huy P2 tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nghĩa vụ thanh toán:

[2.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng số 01/2019/6023786/HĐTD ngày 01-7-2019 đã được ký kết giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ – Chi nhánh Quảng Ngãi với bà Hứa Thị Kiều T, văn bản trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 01-7-2019 bà Hứa Thị Kiều T có vay của Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng.

[2.2] Bà Hứa Thị Kiều T đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nói trên. Tuy nhiên, trong quá trình trả nợ vay bà Hứa Thị Kiều T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03-02-2021), bà Hứa Thị Kiều T mới trả được cho Ngân hàng 5.753.425 đồng tiền lãi, còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 591.232.876 đồng, trong đó: Nợ gốc là 500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 74.246.575 đồng, lãi quá hạn là 16.986.301 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Hứa Thị Kiều T phải trả cho Ngân hàng số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản thế chấp và xử lý tài sản thế chấp:

[3.1] Để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/6023786/HĐTD ngày 01-7-2019 bà Hứa Thị Kiều T đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với thửa đất số 671, tờ bản đồ số 02, diện tích 160m² đất tại xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 227701, số vào sổ cấp GCN: H 09 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp ngày 26-12-2005.

[3.2] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2014/HĐ ngày 14-01-2014 giữa Ngân hàng với bà Hứa Thị Kiều T đã được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T2, tỉnh Quảng Ngãi chứng nhận, đồng thời tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T2, tỉnh Quảng Ngãi ngày 15-01-2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2017/SĐBS ngày 07-9-2017 nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nói trên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật dân sự. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2014/HĐ ngày 14-01-2014 giữa Ngân hàng với bà Hứa Thị Kiều T không có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tài sản gắn liền với đất là tài sản thuộc sở hữu của bà T. Việc bà T thế chấp tài sản gắn liền với đất nói trên cho Ngân hàng là tự

nguyên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận có thể chấp tài sản gắn liền với thửa đất số 671, tờ bản đồ số 02, diện tích 160m² tại xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho Ngân hàng và đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ.

[3.3] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22-7-2020 thì hiện nay các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 671, tờ bản đồ số 02, diện tích 160m² xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi và tài sản gắn liền với đất vẫn giữ nguyên như tại thời điểm thế chấp.

[3.4] Tại khoản 1 Điều 8 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2014/HĐ ngày 14-01-2014 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2014/HĐ ngày 14-01-2014 quy định: *“1. Các trường hợp xử lý tài sản thế chấp: a) Đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh đã ký kết với Ngân hàng mà Bên vay/Bên được cấp bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; ...”*. Do đó, trường hợp bà Hứa Thị Kiều T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo những nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2014/HĐ ngày 14-01-2014, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2014/HĐ ngày 14-01-2014 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2017/SĐBS ngày 07-9-2017 để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bị đơn bà Hứa Thị Kiều T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí, xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.500.000 đồng và đã chi phí xong nên buộc bị đơn bà Hứa Thị Kiều T phải trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.500.000 đồng.

[5] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Hứa Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bà T phải trả cho Ngân hàng là 591.232.876 đồng. Số tiền án phí bà T phải chịu là: 20.000.000đồng + (191.232.876 đồng x 4%) = 27.649.315 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 317, 323, 298, 299 của Bộ luật dân sự; Điều 179 Luật đất đai năm 2013; các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ.

2. Buộc bà Hứa Thị Kiều T phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/02/2021) là 591.232.876 đồng (Năm trăm chín mươi một triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);
- Nợ lãi trong hạn là 74.246.575 đồng (Bảy mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi lăm đồng);
- Nợ lãi quá hạn là 16.986.301 đồng (Mười sáu triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm lẻ một đồng).

3. Bà Hứa Thị Kiều T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/02/2021 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 01/2019/6023786/HĐTD ngày 01-7-2019 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ.

4. Trường hợp bà Hứa Thị Kiều T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 671, tờ bản đồ số 02, diện tích 160m² tại xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 227701, sổ vào sổ cấp GCN: H 09 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T2 cấp ngày 26-12-2005 (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 03/2014/HĐ ngày 14-01-2014 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/2014/HĐ ngày 14-01-2014) và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2017/SĐBS ngày 07-9-2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì bà Hứa Thị Kiều T phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ phải trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Về chi phí tố tụng: Bà Hứa Thị Kiều T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên buộc bà Hứa Thị Kiều T phải trả lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Về án phí: Bà Hứa Thị Kiều T phải chịu 27.649.315 đồng (Hai mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 12.496.000 đồng (Mười hai triệu, bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0004488 ngày 05-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

7. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Thị Kim Ân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa